**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**KHU VỰC 6- P T**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập- Tự do - H Phúc**

Bản án số: 18/2025/DS-ST
Ngày 18- 9- 2025
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - P T**

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Đỗ Thị Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Mạnh Sơn, ông Dương Minh Tư.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Bùi Thị Hà Giang- Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6- P T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- tham gia phiên toà:* Ông Hoàng Liên Sơn- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023. Tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6- P T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 35/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025 (Quyết định hoãn phiên tòa ngày 14/8/2025 và ngày 03/9/2025), giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà H T H, sinh năm 1977

Địa chỉ: Khu Đồng Ve, xã M L, huyện Y L, P T (*Nay là khu Đồng Ve, xã S L, P T).*

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà H T T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Khu H T, xã S L, huyện Y L, P T *(Nay là Khu H T, xã S L, P T).*

2- Bị đơn: Ông S Đ T, sinh năm 1978

Địa chỉ: khu Tân Bình, xã M L, huyện Y L, P T *(Nay là Khu H T, xã S L, P T).*

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà Phạm Thị Thắm- Trợ giúp viên pháp lý- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước số 1- P T.

*(Bà Thùy, bà Thắm có mặt, ông T vắng mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

* Theo đơn khởi kiện ngày 06/9/2024 của bà H T H và bản tự khai ngày 17/10/2024 của bà Hà Thị Thùy là người đại diện theo ủy quyền của bà H đều trình bày: Bà Hà Thị H và ông S Đ T, là người cùng xã, có quen biết với nhau. Do đó ngày 14/7/2021 bà H đã cho ông T vay số tiền là

60.000.000 đồng, có giấy biên nhận vay tiền viết tay ngày 14/7/2021, không lãi, hai bên thỏa thuận với nhau ông T vay tiền một thời gian ngắn, bất cứ khi nào bà H cần thì ông T sẽ trả đầy đủ cho bà H. Tuy nhiên khi bà H cần lấy lại số tiền trên, ông T liên tục có dấu hiệu trốn tránh, trây ì, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Cho

đến thời điểm hiện tại bà H vẫn chưa nhận được bất cứ khoản tiền gì từ ông T. Nay bà H yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả cho bà tiền gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi là 10%/năm, tạm tính từ thời điểm vay từ ngày 14/7/2021 đến ngày 14/8/2024 = 37 tháng x 60.000.000 đồng x 10%/năm = 18.500.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 78.500.000 đồng.

Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bà H T T vẫn giữ nguyên yêu cầu bị đơn ông T trả số tiền gốc và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi cụ thể: Tiền lãi bà đại diện cho bà H yêu cầu ông T trả lãi là 10%/năm tính từ thời điểm Toà án thụ lý vụ án đến trước ngày xét xử (ngày Tòa án thụ lý vụ án: 09/10/2024) = 60.000.000 đồng x 11 tháng 08 ngày (338 ngày) x 10%/năm = 5.556.164 đồng (làm tròn 5.556.000đ) . Tổng cộng gốc và lãi là 65.556.000 đồng.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/6/2025, bị đơn ông S Đ T trình bày:* Ông và bà H T H và chồng bà H là ông Sơn là bạn bè chơi với nhau, việc ông vay tiền của bà H 60.000.000 đồng như bà H trình bày là đúng, hai bên có viết giấy biên nhận vay tiền ngày 14/7/2021, giấy vay nợ do bà H giữ, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 2%/tháng, kể từ khi vay ông T đã trả lãi cho bà H nhưng không nhớ đã trả bao nhiêu tiền và không có giấy tờ gì về việc trả lãi cho bà H, chữ ký, chữ viết trong giấy biên nhận vay tiền ngày 14/7/2021 đúng là chữ ký, chữ viết của ông. Nay bà H yêu cầu ông trả gốc 60.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm, tính lãi kể từ khi thụ lý vụ án là ngày 09/10/2024 như bà H yêu cầu thì ông cũng đồng ý. Tuy nhiên hiện nay ông khó khăn về kinh tế khi nào có tiền thì ông sẽ trả cho bà H. Vay nợ của ông T với bà H không liên quan gì đến bà Hà Thị Quang là vợ ông T và ông Hà Tiến Sơn là chồng bà H.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Căn cứ Điều 357; Điều 463; Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị H do bà H T T đại diện theo ủy quyền. Buộc ông S Đ T có nghĩa vụ trả cho bà H tiền gốc 60.000.000đ và tiền lãi là 5.556.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 65.556.000 đồng.

- Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông T.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là ông S Đ T có hộ khẩu thường trú tại xã Xuân Thuỷ (nay là xã Xuân Viên), P T. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6- P T.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và bản tự khai của các đương sự trong quá trình giải quyết, xác định quan hệ áp dụng trong vụ án là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* thuộc trường hợp vay không kỳ hạn và không lãi suất, được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463; Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. Nội dung yêu cầu giải quyết của đương sự:

2.1. Về yêu cầu trả tiền gốc: Quá trình giải quyết và tại phiên toà bà H T T là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông T phải trả cho bà H T H số tiền gốc là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) mà bà H đã cho ông T vay vào ngày 14/7/2021. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà Thuỳ đại diện theo uỷ quyền của bà H đã cung cấp cho Tòa án bản gốc "giấy biên nhận vay tiền ngày 14/7/2021", ông T thừa nhận ông là người vay bà H số tiền 60.000.000đ và ký giấy vay nợ này, do vậy đây là chứng cứ rõ không cần phải chứng minh, được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết, ông T đã thừa nhận ông có vay của bà H số tiền gốc là 60.000.000 đồng, việc vay tiền của bà H không liên quan đến vợ ông. Còn tiền lãi ông trình bày đã trả lãi cho bà H nhưng ông không đưa ra được chứng cứ gì để minh cho việc ông đã trả lãi cho bà H. Quá trình giải quyết, ông Hà Tiến Sơn là chồng bà H khẳng định khoản tiền mà bà H cho ông T vay là khoản tiền riêng của bà H, không liên quan gì đến ông. Do vậy, căn cứ vào các chứng cứ mà các đương sự cung cấp cho Toà án và căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự đều xác định khoản tiền gốc 60.000.000 đồng mà bà H cho ông T vay là nợ riêng của ông T đối bà H, không liên quan đến ông H T S chồng bà H và bà H Thị Q vợ ông T, nên cần chấp nhận yêu cầu của bà H buộc ông T trả cho bà H số tiền gốc 60.000.000 đồng.

2.2. Về yêu cầu trả lãi: ông T trình bày ông có trả lãi cho bà H tuy nhiên ông không có chứng cứ gì để chứng minh cho việc đã trả lãi cho bà H. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, ông T cũng đã có quan điểm là ông đồng ý trả lãi cho bà H với mức lãi là 10%/năm, thời điểm tính lãi kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án là ngày 09/10/2024 như bà H yêu cầu, nên cần chấp nhận sự thỏa thuận về trả tiền lãi nêu trên của các đương sự.

Như vậy tổng số tiền gốc, lãi bà H yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả cho bà H là 65.556.000 đồng.

[3] Về án phí: Yêu cầu của bà H được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng do ông T là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Căn cứ Điều 357; Điều 463; Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 luật thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H T H do bà H T T đại diện theo uỷ quyền.

Buộc ông S Đ T có nghĩa vụ trả cho bà H T H tiền gốc là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), tiền lãi là 5.556.000đ (Năm triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn đồng). Tổng cộng là: 65.556.000 (Sáu mươi lăm triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn đồng). Thời hạn trả nợ kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thoả thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

2. Về án phí: Ông S Đ T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6- P T;
- THADS P T;
- Phòng THADSKV 6- P T;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đỗ Thị Thảo**

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai/.

| **CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** | | **THẨM PHÁN**<br>**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA** |
|---|---|---|
| **Hoàng Mạnh Sơn** | **Dương Minh Tư** | **Đỗ Thị Thảo** |

Biên bản nghị án kết thúc hồi giờ phút ngày 29/9/2025. Đã thông qua cho các thành viên Hội đồng xét xử, nhất trí cùng ký tên.

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN**
**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Thảo**